

Bản án số:44/2018/HS-ST
Ngày 12-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Trung

Ông Phạm Văn Khuyến, nghề nghiệp: Giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ số: 32/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1.1. Phạm Minh T – (Tên khác: Bờm), sinh năm 1992, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Lê Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-09-2017 cho đến nay “có mặt”.

Về nhân thân: Ngày 30-5-2013 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 tháng 02 ngày tù theo Bản án số 97/2013/HSST ngày 30-5-2013 về Tội trộm cắp tài sản(đã được xóa án tích).

1.2. Lê Xuân T – (Tên khác: Thúi), sinh năm 1997, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân B và bà Phan Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-09-2017 cho đến ngày 10-01-2018 được tại ngoại cho đến nay, “có mặt”.

Nhân thân: Ngày 22-5-2013 bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ra quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng số 4 về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 30-9-2014 thì chấp hành xong;

1.3. Trịnh Duy S, sinh năm 1998, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc

tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Duy A và bà Vũ Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02-09-2017 cho đến ngày 06-2-2018 được tại ngoại cho đến nay “có mặt”.

1.4. Nguyễn Lê Hoàng L, sinh ngày: 03-3-2001, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 07-12-2017 cho đến ngày 10-12-2017 được tại ngoại, “bị cáo vắng mặt tại phiên tòa”.

1.5. Phạm Văn T, sinh năm 1997, tại Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện R, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị Nhị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29-11-2017 cho đến ngày 26-4-2018 được tại ngoại đến nay “có mặt”.

1.6. Cao N – (Tên khác: N Suyễn), sinh năm 1995, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Khả D và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18-09-2017 cho đến ngày 10-01-2018 được tại ngoại cho đến nay “có mặt”.

1.7. Đoàn Quang T, sinh năm 1990, tại Bình Phước;

Nơi cư trú: Thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Minh H và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1992 và 02 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18-10-2017 cho đến nay “có mặt”.

Về nhân thân: Ngày 24-8-2011 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù theo Bản án số 53/2011/HSST ngày 24-8-2011 về “Tội trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích.

***Người bị hại:**

1/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

2/ Ông Trần Văn H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Thôn 1, xã L, huyện R, Bình Phước

3/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L:**

Luật sư Trịnh Đắc H- Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước (Có mặt)

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L là ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị T là bố, mẹ của bị cáo (Vắng mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Lê Thị N, sinh năm: 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

2/ Ông Đoàn Minh H, sinh năm 1965 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

***Người làm chứng:**

Anh Đỗ Đức H – (tên khác: Cu em), sinh năm 2003 (Có mặt)

Người giám hộ cho Đỗ Đức H: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 3, thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

Anh Võ Đức Phong P, sinh năm 2002 (Có mặt)

Người giám hộ cho Võ Đức Phong P: bà Nguyễn Thị Thanh L, SN: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

Anh Tạ Văn S, sinh năm 2002 (Có mặt)

Người giám hộ cho Tạ Văn S: bà Lê Thị L, SN: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, Thôn L, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Minh T; Nguyễn Lê Hoàng L; Lê Xuân T; Nguyễn Văn T; Võ Đức Phong P; Đỗ Đức H; Tạ Văn S là những thanh niên không có việc làm ổn định và thường xuyên tụ tập tại khu vực Trung tâm thương mại R thuộc xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước. Từ ngày 29-8-2017 đến ngày 30-8-2017, Phạm Minh T và đồng phạm đã thực hiện 02 (hai) vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 23 giờ ngày 29-8-2017, Phạm Minh T; Nguyễn Lê Hoàng L; Lê Xuân T; Võ Đức Phong P; Tạ Văn S và Nguyễn Văn T gặp nhau tại một quán nước sau Trung tâm thương mại R. Tại đây, Phạm Minh T rủ Lê Xuân T, L, Phạm Văn T, P và S đi trộm đồ ăn và nước ngọt tại các quán về ăn uống thì tất cả cùng đồng ý.

Sau đó tất cả cùng đi đến quán cà phê “SB” thuộc thôn N, xã R, huyện P, của anh Nguyễn Văn T làm chủ sở hữu thì phát hiện quán đã khóa ngoài và không có ai trông coi. Phạm Minh T mở cửa nhưng không được nên gọi P, S và L đi vào rồi Phạm Minh T, L và P kéo hai bên cửa sắt để S chui vào trong quán. S mở cửa sau để Phạm Minh T cùng vào trong quán còn L, Nguyễn Văn T, P và Lê Xuân T đứng ngoài đợi. Phạm Minh T và S lấy được 01 máy xay đá hiệu Guanghau, 10kg cà phê bột hiệu Trung Nguyên, 15kg cà phê bột hiệu Thượng Hải, 15kg cà phê bột nhãn hiệu A Cường, 03 thùng sữa chua nha đam hiệu Vinamilk và 03 cây thuốc lá hiệu Caravel A do Việt Nam sản xuất rồi

chuyển ra ngoài cho L, Nguyễn Văn T, P và Lê Xuân T đưa về giấu ở 01 căn nhà hoang thuộc thôn P, xã R, huyện P.

Đến sáng ngày 30-8-2017, Phạm Minh T mang số thuốc lá Caravel lấy trộm được ra vườn điều của một nhà dân tại thôn 1, xã L, huyện Đ thì gặp Cao N. N hỏi Phạm Minh T số thuốc lá ở đâu mà có thì Phạm Minh T trả lời là “mới lấy được”, N biết là số thuốc lá này do lấy trộm có được nhưng N vẫn hỏi mua thì Phạm Minh T đồng ý bán số thuốc lá trên cho N với giá 280.000 đồng. Đến buổi chiều cùng ngày, Nguyễn Văn T mang 03 (ba) thùng sữa chua đến tiệm tạp hóa của chị Nguyễn Thị H; SN: 1966; HKTT thôn H, xã R, huyện P bán với giá là 350.000 đồng. Sau đó, Phạm Minh T bán số cà phê lấy trộm được cho một đối tượng tên C (chưa rõ nhân thân lai lịch) được 800.000 đồng. Số tiền có được Minh T và đồng phạm sử dụng để ăn uống và tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 105 ngày 18-10-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định: Tại thời điểm ngày 29-8-2017 thì 01 (một) máy xay đá hiệu Guanghau, 10kg cà phê bột hiệu Trung Nguyên, 15kg cà phê bột hiệu Thượng Hải, 15kg cà phê bột nhãn hiệu A Cường, 03 (ba) thùng sữa chua nha đam hiệu Vinamilk và 03 (ba) cây thuốc lá điều hiệu Caravel A do Việt Nam sản xuất có tổng giá trị là 5.144.000 đ.

Lần thứ hai:

Khoảng 22 giờ ngày 30-8-2017, Phạm Minh T, Lê Xuân T, L, Trịnh Duy S, H, P, S gặp nhau tại một quán nước sau Trung tâm thương mại R. Tại đây Lê Xuân T nói “đi kiểm đồ ăn” thì tất cả cùng đồng ý. Khi đi đến nhà ông Trần Văn T, SN: 1972, HKTT: Thôn H, xã R thấy nhà đang xây, không có ai trông coi nên tất cả nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Phạm Minh T đi vào nhà kiểm tra thấy có tài sản nên gọi S và P cùng vào lấy tài sản. Phạm Minh T lấy 01 máy cắt sắt, nhãn hiệu Makita ra đưa cho Lê Xuân T giữ rồi quay vào lấy 01 máy đục bê tông điện, nhãn hiệu Hatachi; 01 máy khoan bê tông điện, nhãn hiệu Bosh, còn Sơn và P khiêng 01 ti vi hiệu Sony, màn hình phẳng 40 inch ra ngoài. Sau đó tất cả cùng mang các tài sản lấy được về nhà hoang cách đó khoảng 500 mét cất giấu. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Đoàn Quang T đi ngang qua thì Phạm Minh T gọi T vào và nói “anh em mới lấy được ít đồ, bạn cho mình giữ” thì T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen – đỏ, biển số: 93P1 – 172.82 chở Phạm Minh T đi ra nhà hoang lấy 01 tivi, 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan bê tông, 01 máy đục bê tông và 01 máy say đá đem về nhà T thuộc thôn Phú H, xã Phú R, huyện P, tỉnh Bình Phước cất giấu.

Ngày 31-8-2017, N cùng với Lê Xuân T đến gặp Phạm Minh T để đòi tiền nợ. Phạm Minh T nói với Lê Xuân T tìm chỗ bán các tài sản trộm được. Lê Xuân T đồng ý mua lại 01 máy cắt sắt, 01 máy khoan và 01 máy đục bê tông với giá là 1.500.000 đồng. Sau đó N điều khiển xe mô tô Wave, màu đen – bạc, biển số: 93P2 – 016.18 chở Lê Xuân T đến lấy máy cắt sắt, máy đục và máy khoan chở về để ở nhà Lê Xuân T cất giữ.

Đến khoảng 19 giờ ngày 01-9-2017, N dùng xe mô tô loại Wave RSX, màu đỏ - đen, biển số 93P1 – 715.41, mang theo tấm bạt rồi cùng Lê Xuân Tđi đến nhà T lấy tivi mang đi tìm chỗ để bán. Trên đường đi thì bị Công an xã T, huyện P phát hiện bắt giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ti vi hiệu Sony 40 inch; 01 máy đục bê tông điện, hiệu Hitachi; 01 máy khoan bê tông điện hiệu Bosh, công suất 620W; 01 máy cắt sắt hiệu Makita, công suất 2000W; 01 (một) máy say đá lạnh hiệu Ghanghua;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Wave RSX, màu đỏ - đen, biển số 93P1 – 715.41;

- 01 xe mô tô Wave, màu đen – bạc, biển số: 93P2 – 016.18;

- 01 xe mô tô Sirius, màu đen – đỏ, biển số: 93P1 – 172.82

- 01 tấm bạt kích thước 2m x 3m, một mặt màu xanh, một mặt màu cam.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 89 ngày 08-9-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phú Riềng kết luận: tại thời điểm ngày 30/8/2017 thì 01 (một) ti vi hiệu Sony, màn hình phẳng 40 inch; 01 máy đục bê tông điện, nhãn hiệu Hatachi; 01 máy khoan bê tông điện, nhãn hiệu Bosh, kí hiệu GBH2SE, công suất 620W; 01 máy cắt sắt, nhãn hiệu Makita, kí hiệu 2414NB, công suất 2.000W có giá trị là 8.309.000 đồng (tám triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng)

Tại bản Cáo trạng số: 12/QĐ/KSĐT – KT ngày 30-01-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S và Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138; truy tố bị cáo Cao N về tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250; truy tố bị cáo Đoàn Quang T về tội “ Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” Theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46; các điểm g, n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T mức án từ 9 đến 12 tháng tù

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; các điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt đối với các bị cáo Phạm Văn T, Trịnh Duy S cùng mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các Điều 20; Điều 33; Điều 45; 69;74; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L mức án từ 6 đến 9 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; các Điều 33; Điều 45; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Cao N mức án phạt từ 9 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; các Điều 33; Điều 45; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo Đoàn Quang T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng trong vụ án và trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo L và áp dụng quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; các Điều 69; 74 để xử phạt bị cáo L mức hình phạt thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, Luật sư bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Ngày 30-11-2017, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã và tạm đình chỉ giải quyết đối với bị cáo. Ngày 07-12-2017 bị cáo ra đầu thú và bị áp dụng biện pháp cầm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử bị cáo lại bỏ trốn khỏi địa phương, tòa án đã yêu cầu cơ quan điều tra truy nã và tạm đình chỉ giải quyết vụ án nhưng đến nay việc truy nã vẫn không có kết quả, Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho Người đại diện của bị cáo và niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L theo quy định tại Điều 290 BLHS 2015.

[2] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa đều khai nhận hành vi phạm tội; Lời khai của bị cáo L tại hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai các bị cáo có mặt tại phiên tòa. Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai

người người bị hại về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng của vụ án thu được, kết luận định giá tài sản có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Đêm 29-8-2017 các bị cáo Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L, Nguyễn Văn T cùng các đối tượng P, S đã thống nhất rủ nhau đi lấy trộm tài sản, các đối tượng đã thực hiện hành vi phạm tội tại quán cà phê “SB” tại thôn N, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước chiếm đoạt được các tài sản là 01 máy xay đá hiệu Guanghau, 10kg cà phê bột hiệu Trung Nguyên, 15 kg cà phê bột hiệu Thượng Hải, 15 kg cà phê bột nhãn hiệu A Cường, 03 thùng sữa chua hiệu Vinamilk và 03 cây thuốc lá hiệu Craven A do Việt Nam sản xuất và nước uống. Giá trị tài sản là 5.144.000đ.

Khoảng 22 giờ ngày 30-8-2017 các bị cáo Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L cùng với Trịnh Duy S cùng các đối tượng Đỗ Đức H, Võ Đức Phong P, Tạ Văn S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà ông Trần Văn T thuộc thôn P, xã R, huyện P, tỉnh Bình Phước. Các bị cáo đã chiếm đoạt được 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Makita ký hiệu 2414NB, công suất 2.000 W; 01 máy đục bê tông điện nhãn hiệu Hitachi; 01 máy khoan bê tông điện nhãn hiệu Bosh ký hiệu GBH2SE, công suất 620 W; 01 ti vi hiệu Sony màn hình phẳng 40 inch. Giá trị tài sản là 8.309.000 đ.

Hành vi của các bị cáo Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S, Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999

Bị cáo Cao N biết rõ tài sản trên là do các bị cáo trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để sử dụng và cùng Lê Xuân T đưa đi tiêu thụ nên phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Bị cáo Đoàn Quang T biết tài sản do bị cáo Phạm Minh T trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý cất giấu nên phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Các tội phạm này được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là các đối tượng lười lao động, sống lang thang, lợi dụng thời điểm đêm khuya, sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp. Trong đó, bị cáo Phạm Minh T là người khởi xướng và rủ rê các bị cáo khác phạm tội. Bị cáo là người có vai trò tích cực nhất. Sau khi bán tài sản trộm cắp được, bị cáo là người trực tiếp quản lý tiền và sử dụng cho cả nhóm. Trong số những đối tượng do bị cáo rủ rê tham gia trộm cắp có bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L và các đối tượng Võ Đức Phong P, Đỗ Đức H, Tạ Văn S là những người chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi) thực hiện. Hành vi của bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và tình tiết “xúi giục người chưa thành niên phạm” tội theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị kết án về tội trộm cắp tài

sản, được xóa án tích nhưng nay lại phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo rất cao.

Bị cáo Lê Xuân T tham gia cả hai lần trộm cắp đều với vai trò tích cực trong vụ án. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội nhiều lần” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2013 bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước ra quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng số 4 về hành vi trộm cắp tài sản, năm 2014 chấp hành xong, đến nay lại phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L tham gia hai lần trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo Trịnh Duy S, Phạm Văn T mỗi bị cáo tham gia một lần trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm tích cực trong vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S, Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, thể hiện rõ thái độ liều lĩnh, coi thường pháp luật của các bị cáo, gây ảnh hưởng xấu trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án thỏa đáng để giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Cao N đã hai lần thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với vai trò rất tích cực, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đối với bị cáo Đoàn Quang T biết tài sản do Phạm Minh T cùng đồng bọn phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn đồng ý cất giấu cho T số tài sản này. Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”, đã được xóa án tích nhưng nay tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo rất cao.

Hành vi của các bị cáo N và T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo tẩu tán tài sản trộm cắp được, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, truy tố và xử. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S, Phạm Văn T, Cao N đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Trịnh Duy S, Phạm Văn T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Lê Xuân T, Phạm Minh T, Đoàn Quang T thành khẩn khai báo. Các bị cáo Cao N và Lê Xuân T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại các điểm b,h,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng quy định đối với người chưa thành niên phạm tội để xử lý. Tuy nhiên, xét sau khi phạm tội đã bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng trong giai đoạn xét xử bị cáo lại bỏ trốn khỏi địa phương, bị truy nã nhưng không có kết quả, bị cáo đã vi phạm biện pháp ngăn chặn do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo Trịnh Duy S, Phạm Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ được áp dụng Điều 47 BLHS để xử phạt mức án dưới quy định của khung hình phạt là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Lê Hoàng L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết về nhân thân, thái độ và hoàn cảnh gia đình đối với bị cáo L để cân nhắc xem xét khi quyết định hình phạt. Xét đề nghị trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Đỗ Đức H, Võ Đức Phong P và Tạ Văn S tham gia trong vụ án nhưng chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với đối tượng tên C đã mua số cà phê do Phạm minh T bán hiện tại chưa xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc Phạm Văn T khai nhận đã bán 03 thùng sữa chua nha đam cho Nguyễn Thị H nhưng không xác định được có việc mua bán này nên không đủ cơ sở xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Văn T và ông Trần Văn H đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn T yêu cầu các bị can bồi thường giá trị của 45kg cà phê bột các loại, 03 thùng sữa và 03 cây thuốc lá điều mà các bị cáo đã chiếm đoạt không thu hồi được. Bà Lê Thị N (mẹ của bị cáo N) và H (mẹ của Lê Xuân T) đã thỏa thuận bồi thường cho ông Trần Văn T số tiền 3.000.000 đồng, ông Trần Văn T đồng ý nhận tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác, bà Lê Thị N và bà H cũng không yêu cầu các bị can hoàn trả lại số tiền nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 tivi hiệu Sony của ông Trần Văn T ; 01 máy cắt sắt, 01 máy đục bê tông, 01 máy khoan bê tông là tài sản của ông Trần Văn H; 01 máy say đá nhãn hiệu Ghanghua của ông Nguyễn Văn T. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 93P1 – 715.41 của bà Lê Thị N, bị cáo N sử dụng phạm tội bà Lê Thị N không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà N nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số: 93P1 – 172.82 của ông Đoàn Minh H, bị cáo Đoàn Quang T sử dụng phạm tội, ông Đoàn Minh H không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho ông Đoàn Minh H nên không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Riêng đối với 01 xe mô tô biển số: 93P2 – 016.18 do bị cáo Cao N đứng tên chủ sở hữu và sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Tại tòa, bà Lê Thị N là mẹ của bị cáo N cho rằng số tiền bỏ ra mua xe này là của bà Lê Thị N và yêu cầu được nhận lại. Tuy nhiên, không có căn cứ nào chứng minh việc bà N bỏ số tiền ra mua xe và cho bị cáo Cao N đứng tên. Vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Năm. Bà Lê Thị N có quyền khởi kiện đối với bị cáo N để đòi bồi thường thiệt hại bằng một vụ án khác.

Đối với 01 tấm bạt hình chữ nhật kích thước 2m x 3m của gia đình bà Lê Thị N. Bà N không có yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200, màu đen của Đoàn Quang T và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu vàng do Phạm Minh T dùng vào việc phạm tội, các bị cáo đã làm mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T – (tên khác: Bờm), Lê Xuân T – (tên khác: Thúi), Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S, Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo **Cao N** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Tuyên bố bị **cáo Đoàn Quang T** phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; các điểm n, g khoản 1 Điều 48; các Điều 20; 33; 45; 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** tù. Hạn tù tính từ ngày 02-09-2017

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 20; 33; 45; 53 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Lê Xuân T 12 (Mười hai) tháng** tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 02-09-2017 cho đến ngày 10-01-2018

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 53; 69; 74 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 290 BLTTHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê Hoàng L** 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ trước đó từ ngày 07-12-2017 cho đến ngày 10-12-2017

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 138; các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 20; 33; 45; 53 và Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt bị cáo **Trịnh Duy S** 05 (Năm) tháng 04 (Bốn) ngày tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước đối với bị cáo từ ngày 02-09-2017 cho đến ngày 06-2-2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 04 (Bốn) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày tù. Được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam ngày 29-11-2017 cho đến ngày 26-4-2018. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 250; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Cao N** 09 (Chín) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 18-09-2017 cho đến ngày 10-01-2018

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; các Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo **Đoàn Quang T** 12 (Mười hai) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 18-10-2017

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu Honda màu trắng đen bạc, biển số: 93P2 – 016.18 do Cao N đứng tên chủ sở hữu, số khung 1257FY355587, số máy HC12E7355661

Tuyên tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 tấm bạt hình chữ nhật kích thước 2m x 3m, một mặt màu xanh, một mặt màu cam

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 20-12-2016 về án phí, lệ phí các bị cáo **Phạm Minh T, Lê Xuân T, Nguyễn Lê Hoàng L, Trịnh Duy S, Phạm Văn T, Cao N, Đoàn Quang T** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn đồng*)

Các bị cáo; luật sư bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Lê Hoàng L** chưa thành niên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện của người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo, Đại diện hợp pháp của bị cáo **Nguyễn Lê Hoàng L;** Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- Chi cục THADS huyện Phú Riềng;
- CA huyện Phú Riềng;
- Nhà tạm giữ CA huyện Phú Riềng
- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hòa